

NOTE: THIS FORM IS FOR INFORMATIONAL PURPOSES ONLY. DO NOT COMPLETE THIS FORM FOR FILING. USE THE ENGLISH VERSION OF THE AOC-J-130 INSTEAD.

LƯU Ý: MẪU NÀY CHỈ SỬ DỤNG VỚI MỤC ĐÍCH THAM KHẢO THÔNG TIN. KHÔNG ĐIỀN VÀ NỘP MẪU NÀY. SỬ DỤNG MẪU AOC-J-130 BẰNG TIẾNG ANH ĐỂ THAY THẾ.

STATE OF NORTH CAROLINA  
TIỂU BANG NORTH CAROLINA

File No.  
Số Hồ Sơ

In The General Court Of Justice  
District Court Division  
Tại Hệ Thống Tòa Án Công Lý  
Phân Bộ Tòa Án Khu Vực

County \_\_\_\_\_  
Quận/hạt \_\_\_\_\_

IN THE MATTER OF  
VỀ VỤ

JUVENILE PETITION

(ABUSE/NEGLECT/DEPENDENCY)

ĐƠN XIN VỀ TÌNH TRẠNG TRẺ CHƯA THÀNH NIÊN (VÌ TRƯỜNG HỢP NGƯỢC ĐÃI/THIẾU QUAN TÂM/GIÁM HỘ TRẺ EM)

Name And Address Of Juvenile  
Tên và địa chỉ của trẻ chưa thành niên

Juvenile's Date Of Birth  
Ngày sinh của trẻ chưa thành niên

Age  
Tuổi

Race  
Chủng tộc

Sex  
Giới tính

G.S. 7B-101, -400, -402  
G.S. 7B-101, -400, -402

Name Of Petitioner  
Tên nguyên đơn

Condition Alleged  
Nội dung tố cáo:

Abused

Neglected

Dependent

Trẻ bị ngược đãi Trẻ bị thiếu quan tâm Trẻ cần sự giám hộ của tòa án

I have sufficient knowledge or information to believe that a case has arisen that invokes the juvenile jurisdiction of the court, and therefore allege that:

Dựa theo đầy đủ sự hiểu biết hay thông tin sẵn có, tôi tin là có trường hợp cần được xử lý theo thẩm quyền của tòa án đối với các trẻ chưa thành niên. Do đó, tôi xin trình những sự việc dưới đây:

- The juvenile named above resides in the district at the address shown above, was found in the district as alleged herein, or venue exists pursuant to G.S. 7B-400(a) or (b).  
Trẻ chưa thành niên có tên trên cư trú ở khu vực này tại địa chỉ nêu trên, hoặc đã được tìm thấy ở khu vực này theo cách được miêu tả trong văn bản này, hoặc thuộc thẩm quyền của tòa án chiếu theo G.S. 7B-400(a) hay (b).
- The information required by G.S. 50A-209 is set out in the **Affidavit As To Status Of Minor Child (AOC-CV-609)**, which is attached hereto and incorporated herein by reference.  
Các thông tin được yêu cầu theo G.S. 50A-209 được cung cấp đầy đủ trong **Bản Khai Hữu Thệ Về Hoàn Cảnh của Trẻ Chưa Thành Niên (AOC-CV-609)**, được đính kèm và hợp nhất vào văn bản này thông qua việc dẫn chiếu.
- The names, addresses, and telephone numbers of the juvenile's parents, guardian, custodian, or caretaker are as follows:  
Tên họ, địa chỉ và số điện thoại của phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ chưa thành niên là:

Name Tên, họ	Relationship/Title Quan hệ hay chức danh	Address Địa chỉ	Telephone No. Số điện thoại

4. The juvenile is an abused juvenile, neglected juvenile, or dependent juvenile, as alleged more specifically below: (Check only the blocks that apply.)

Trẻ chưa thành niên này đã bị ngược đãi, thiếu quan tâm, hoặc cần sự giám hộ của tòa án, cụ thể như dưới đây: (Xin chỉ đánh dấu vào các đoạn thích hợp.)

A. The juvenile is an **ABUSED JUVENILE**, in that:

Trẻ chưa thành niên này **BỊ NGƯỢC ĐÃI**, bởi vì:

1. the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker has inflicted or allowed to be inflicted on the juvenile a serious physical injury by other than accidental means.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã gây thương tích trầm trọng hoặc để người khác gây thương tích trầm trọng cho trẻ và điều này không phải là do vô ý.
2. the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker has created or allowed to be created a substantial risk of serious physical injury to the juvenile by other than accidental means.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã tạo ra hoàn cảnh nguy hiểm hoặc để người khác tạo ra hoàn cảnh nguy hiểm rất dễ gây thương tích trầm trọng cho trẻ và điều này không phải là do vô ý.
3. the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker has used or allowed to be used upon the juvenile cruel or grossly inappropriate devices or procedures to modify behavior.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã sử dụng hoặc để người khác sử dụng các dụng cụ hay phương pháp độc ác hay hết sức không thích hợp để cải thiện hành vi của trẻ.

(See reverse side for additional allegations)  
(Xem mặt sau để điền vào các phần tố cáo khác)

4. the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker has committed, permitted, or encouraged the commission of a sex or pornography offense by, with, or upon the juvenile in violation of the criminal law.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã thực hiện, cho phép người khác thực hiện hay xúi giục việc thực hiện các hành động tình dục hay khiêu dâm đối với hoặc liên quan đến trẻ, và điều này vi phạm luật hình sự.
5. the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker has created or allowed to be created serious emotional damage to the juvenile.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã gây hại trầm trọng hoặc để người khác gây hại trầm trọng cho đời sống cảm xúc của trẻ.
6. the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker has encouraged, directed, or approved of delinquent acts involving moral turpitude committed by the juvenile.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ đã xúi giục, hướng dẫn hay tán thành việc trẻ có hành vi phạm pháp mang tính chất suy đồi đạo đức.
7. the juvenile is a minor victim of human trafficking under G.S. 14-43.15.  
trẻ là nạn nhân vị thành niên của tội buôn bán người theo G.S. 14-43.15.

Specifically, on or about (date or time period) \_\_\_\_\_ : (State facts supporting allegations that the juvenile is an abused juvenile as indicated above. Attach additional pages if necessary.)

Cụ thể là vào hoặc khoảng (ngày hay khoảng thời gian) \_\_\_\_\_ : (Nêu ra các sự việc hỗ trợ cho lời tố cáo rằng trẻ chưa thành niên này đã đang bị ngược đãi như ghi ở trên. Đính kèm thêm trang nếu cần.)

- B. The juvenile is a **NEGLECTED JUVENILE**, in that the juvenile:  
Trẻ chưa thành niên này **BỊ THIẾU QUAN TÂM**, vì trẻ:

1. does not receive proper care, supervision, or discipline from the juvenile's parent, guardian, custodian, or caretaker.  
không được phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ chăm sóc, giám sát hay kỷ luật đúng mức.
2. has been abandoned.  
đã bị bỏ rơi.
3. is not provided necessary medical care.  
không được chăm sóc y tế cần thiết.
4. is not provided necessary remedial care.  
không nhận được các dịch vụ giáo dục/tư vấn cần thiết.
5. lives in an environment injurious to the juvenile's welfare.  
đang sống trong môi trường có hại cho sự hạnh phúc, an nguy của trẻ.
6. has had his/her custody unlawfully transferred under G.S. 14-321.2.  
bị chuyển giao cho nơi/người khác nuôi và điều đó là bất hợp pháp theo G.S. 14-321.2.
7. has been placed for care or adoption in violation of law.  
bị giao cho người khác chăm sóc hay nuôi giữ một cách trái luật pháp.
8. is a minor victim of human trafficking under G.S. 14-43.15.  
là nạn nhân vị thành niên của tội buôn bán người theo G.S. 14-43.15.

Specifically, on or about (date or time period) \_\_\_\_\_ : (State facts supporting allegations that the juvenile is a neglected juvenile as indicated above. Attach additional pages if necessary.)

Cụ thể là vào hoặc khoảng (ngày hay khoảng thời gian) \_\_\_\_\_ : (Nêu ra các sự việc hỗ trợ cho lời tố cáo rằng trẻ chưa thành niên này đã đang bị thiếu quan tâm như ghi ở trên. Đính kèm thêm trang nếu cần.)

- C. The juvenile is a **DEPENDENT JUVENILE**, in that:  
Trẻ chưa thành niên này **CẦN SỰ GIÁM HỘ CỦA TÒA ÁN** vì:

1. the juvenile needs assistance or placement because the juvenile has no parent, guardian, or custodian responsible for the juvenile's care or supervision.  
trẻ cần được trợ giúp hay cần tìm nơi ở bởi vì trẻ không có phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ nào chịu trách nhiệm cho việc chăm sóc, giám sát trẻ.
2. the juvenile's parent, guardian, or custodian is unable to provide for the juvenile's care or supervision and lacks an appropriate alternative child care arrangement.  
phụ huynh, người giám hộ, người giám thủ hay người nuôi giữ trẻ không có khả năng chăm sóc hay giám sát trẻ và cũng không thể gửi trẻ vào nơi giữ trẻ thích hợp.

Specifically, on or about (date or time period) \_\_\_\_\_ : (State facts supporting allegations that the juvenile is a neglected juvenile as indicated above. Attach additional pages if necessary.)

Cụ thể là vào hoặc khoảng (ngày hay khoảng thời gian) \_\_\_\_\_ : (Nêu ra các sự việc hỗ trợ cho lời tố cáo rằng trẻ chưa thành niên này đã đang bị thiếu quan tâm như ghi ở trên. Đính kèm thêm trang nếu cần.)

I request the Court to hear the case to determine whether the allegations are true and whether the juvenile is in need of the care, protection, or supervision of the State.  
Tôi yêu cầu Tòa Án xét xử vụ này để xác định xem các lời tố cáo trên có phải là sự thật và trẻ chưa thành niên này có cần sự chăm sóc, bảo vệ hay giám sát của Tiểu Bang hay không.

**VERIFICATION  
XÁC NHẬN**

Being first duly sworn, I say that I have read this Petition and that the same is true to my own knowledge, except as to those matters alleged upon information and belief, and as to those, I believe it to be true.

Sau khi tuyên thệ theo đúng thủ tục, tôi xác nhận rằng tôi đã đọc Đơn Xin này và nội dung trong đó là đúng sự thật theo sự hiểu biết trực tiếp của tôi, còn những sự việc khai ra căn cứ vào sự hiểu biết gián tiếp thì tôi cũng tin tưởng là đúng sự thật.

**SWORN/AFFIRMED AND SUBSCRIBED TO BEFORE ME  
TUYÊN THỆ/XÁC NHẬN VÀ KÝ TÊN TRƯỚC MẶT TÔI**

Name And Address Of Petitioner  
Tên và địa chỉ của người nộp đơn xin

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Person Authorized To Administer Oaths  
Chữ ký của người được ủy quyền chứng kiến đọc lời tuyên thệ

Deputy CSC  
Phó LSTTT

Clerk Of Superior Court  
Lục Sự Tòa Thượng Thẩm

District Court Judge  
Thẩm Phán Tòa Án Khu Vực

Signature Of Petitioner  
Chữ ký của người nộp đơn xin

Assistant CSC  
Phụ tá LSTTT

Magistrate  
Quan Tòa

Notary  
Công Chứng Viên

Date My Commission Expires (mm/dd/yyyy)  
Thời hạn nhiệm vụ của tôi sẽ hết vào ngày (tháng/ngày/năm)

Telephone No.  
Số điện thoại

**SEAL  
ĐÓNG  
DẤU**

County Where Notarized  
Quận/hạt nơi đóng dấu công chứng

Director  
Giám đốc

Authorized Representative Of Director  
Đại diện được ủy quyền của giám đốc

\_\_\_\_\_  
County Department of Social Services  
Phòng Dịch Vụ Xã Hội Quận/Hạt \_\_\_\_\_

**SIGNATURE OF ATTORNEY (if applicable)  
CHỮ KÝ CỦA LUẬT SƯ (nếu có)**

Date (mm/dd/yyyy)  
Ngày (tháng/ngày/năm)

Signature Of Attorney  
Chữ ký của luật sư

Name And Address Of Attorney  
Tên và địa chỉ của luật sư

**WITNESS(ES)  
(CÁC) NHÂN CHỨNG**

Name Tên, họ	Address Địa chỉ	Telephone No. Số điện thoại

VUI LÒNG ĐIỀN VÀO PHIÊN BẢN TIẾNG ANH CỦA MẪU NÀY